

Số: 601/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC ĐÍNH CHÍNH THÔNG TƯ SỐ 19/2014/TT-BTC NGÀY 11/02/2014 CỦA BỘ TÀI CHÍNH QUY ĐỊNH THỦ TỤC TẠM NHẬP KHẨU, TÁI XUẤT KHẨU, TIÊU HỦY, CHUYỂN NHƯỢNG XE Ô TÔ, XE HAI BÁNH GẮN MÁY CỦA ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG QUYỀN ƯU ĐÃI, MIỄN TRỪ TẠI VIỆT NAM

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 17/2008/QH12 ngày 03/6/2008;

Căn cứ Nghị định số 100/2010/NĐ-CP ngày 28/9/2010 của Chính phủ về Công báo;

Căn cứ khoản 7, Điều 1 Nghị định số 09/2010/NĐ-CP ngày 08/02/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08/04/2004 của Chính phủ về công tác văn thư;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đính chính một số kỹ thuật trình bày văn bản tại Thông tư số 19/2014/TT-BTC ngày 11/02/2014 của Bộ Tài chính quy định thủ tục tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam như sau:

1. Tại điểm b.2, khoản 2 Điều 4 đã in là:

“Mỗi xe ô tô, xe gắn máy...(theo Mẫu số 01: G/2014/TNK OTO/XEMAY- NG ban hành kèm theo Thông tư này)... chức danh người tạm nhập khẩu xe,... Giấy tạm nhập khẩu xe có giá trị trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cấp”.

Nay sửa thành:

“Mỗi xe ô tô, xe gắn máy...(theo Mẫu số 01: G/2014/TNK OTO/XEMAY- NG ban hành kèm theo Thông tư này)... *chức vụ* người tạm nhập khẩu xe,... Giấy tạm nhập khẩu xe có giá trị trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cấp”.

2. Tại điểm b.3, khoản 2 Điều 4 đã in là:

“Sau khi cấp giấy tạm nhập khẩu xe, ...cấp giấy nhập khẩu vào Sổ định mức ...02 bản giấy tạm nhập (kèm 01 vận tải đơn đóng dấu treo của Cục Hải quan nơi cấp) để nộp cho Hải quan cửa khẩu làm thủ tục tạm nhập khẩu”.

Nay sửa thành:

“Sau khi cấp giấy tạm nhập khẩu xe, ...cấp giấy *tạm* nhập khẩu vào Sổ định mức ...02 bản giấy tạm nhập (kèm 01 vận tải đơn đóng dấu treo của Cục Hải quan nơi cấp) để nộp cho Hải quan cửa khẩu làm thủ tục tạm nhập khẩu”.

3. Tại điểm d.2, khoản 2 Điều 5 đã in là:

“Trả cho đối tượng...; sao gửi giấy phép tạm nhập khẩu,...không cấp tờ khai nguồn gốc đối với xe ô tô, xe gắn máy tạm nhập khẩu;”.

Nay sửa thành:

“Trả cho đối tượng...; sao gửi *giấy tạm nhập khẩu*,...không cấp tờ khai nguồn gốc đối với xe ô tô, xe gắn máy tạm nhập khẩu;”.

4. Tại điểm a, khoản 4 Điều 7 đã in là:

“Đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Thông tư này khai 02 tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu phi mậu dịch (HQ/2011-PMD)”

Nay sửa thành:

“Đối tượng nhận chuyển nhượng khai 02 tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu phi mậu dịch (HQ/2011-PMD)”

5. Tại điểm b.1, khoản 4 Điều 7 đã in là:

“Căn cứ giấy chuyển nhượng xe,...; nhận cho biểu, tặng... đề nghị cấp phép chuyển nhượng xe, Cục Hải quan tỉnh, thành phố hoàn tất thủ tục chuyển nhượng theo quy định”.

Nay sửa thành:

“Căn cứ giấy chuyển nhượng xe,...; *nhận biểu, tặng*... đề nghị cấp *giấy* chuyển nhượng xe, Cục Hải quan tỉnh, thành phố hoàn tất thủ tục chuyển nhượng theo quy định”.

5. Tại khoản 2 Điều 9 đã in là:

“Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi cấp giấy phép nhập khẩu...theo hướng dẫn của Tổng cục Hải quan;”.

Nay sửa thành:

“Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi cấp giấy *tạm* nhập khẩu...theo hướng dẫn của Tổng cục Hải quan;”.

6. Tại mẫu số 01: G/2014/TNK-OTO/XM-NG ban hành kèm theo Thông tư số 19/2014/TT-BTC đã in:

“Xét Đơn đề nghị của Cơ quan/ông/bà:.....”.

Nay sửa thành:

“*Căn cứ văn bản đề nghị* của Cơ quan/ông/bà:.....”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 28/03/2014 và là một phần không tách rời của Thông tư số 19/2014/TT-BTC ngày 11 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định thủ tục tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ các hướng dẫn tại Thông tư số 19/2014/TT-BTC ngày 11/02/2014 của Bộ Tài chính và đính chính tại Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị báo cáo kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

**TUQ. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG**

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng CP;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội; VP Chủ tịch nước;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở TC, Cục thuế, Hải quan, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Văn phòng Ban chỉ đạo TW về phòng chống tham nhũng;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Công báo; Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ; Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Website của Tổng cục Hải quan;
- Lưu: VT, VP (396b).

Nguyễn Đức Chi